

Số: 533/BVLVBP-KD
V/v yêu cầu báo giá

Châu Thành, ngày 09 tháng 10 năm 2023

Kính gửi: Các Công ty

Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bến Tre có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua vật tư y tế tiêu hao, hóa chất phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2023-2024 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bến Tre - Ấp Hữu Thành, xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Nguyễn Phan Huỳnh Như - Khoa Dược, SĐT: 0977014379, email: nguyenphanhuynhnhubte@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Bản scan gửi qua địa chỉ email: nguyenphanhuynhnhubte@gmail.com

- Bản giấy gửi về địa chỉ: Khoa Dược - Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bến Tre - Ấp Hữu Thành, xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 9h00 ngày 09 tháng 10 năm 2023 đến trước 9h00 ngày 18 tháng 10 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày báo giá có hiệu lực.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư y tế tiêu hao, hóa chất: *(danh mục đính kèm)*

2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bến Tre - Ấp Hữu Thành, xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý 4/2023.

Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bến Tre rất mong nhận được sự tham gia của các Công ty.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC



Phạm Chánh Bình

DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG

Gợi đầu: Mua vật tư y tế tiêu hao, hóa chất phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2023-2024

(Kèm theo Công văn số: 533 /BVLVBP-KD ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Bệnh viện Lao và Bệnh phổi)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
I. Vật tư y tế tiêu hao, hóa chất				
1	Đầu Cone vàng	Chất liệu nhựa tổng hợp, trung tính thể tích chứa 0-200 μ l	13.000	Cái
2	Đầu Cone xanh	Chất liệu nhựa tổng hợp, trung tính thể tích chứa 0-1000 μ l	10.000	Cái
3	Ống nghiệm trắng 5ml không nắp	Chất liệu nhựa nguyên sinh PP, kích thước 12mmx75mm.	20.000	Ống
4	Sonde oxy 2 lỗ người lớn	Dây oxy thở 2 mũi người lớn, trẻ em. Chiều dài \geq 2000 mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC	500	Cái
5	Ống đặt khí quản	Chất liệu: Nhựa tổng hợp. Có bóng chèn. Số 8	20	Cái

6	Băng cuộn y tế	Kích thước: 9cm x 2m. Chất liệu: Cotton 100%.	200	Cuộn
7	Gòn tiêm thuốc	Nguyên liệu: sợi bông cotton 100%, hút nước, Quy cách: 25 gram/gói, tiệt trùng	500	Gói
8	Băng gạc	Nguyên liệu: sợi cotton 100%, hút nước, sợi bông cotton 100%, hút nước, 8cm x 12cm, tiệt trùng	3.000	Miếng
9	Que thử đường huyết máy Accucheck	Sử dụng công nghệ enzyme GDH-FAD với thành phần: với thành phần: Chất trung gian 6,6%; Enzyme FAD-GDH 21,3%; Dịch đệm 22,6%; Chất ổn định 2,3%; Các thành phần không phản ứng 47,2%. Lượng mẫu 0.6 μ L phản ứng trong 4 giây. Khoảng dung tích hồng cầu 10-65%. Khoảng đo 10-600mg/dL. Có cam kết hỗ trợ máy, phù hợp máy Accu-Chek Instant	700	Que
Cộng: 09 mặt hàng				
II. Hóa chất xét nghiệm				
1. Hoá chất sử dụng cho máy huyết học 18 thông số				

1	Lyse	Dung dịch dùng để ly giải hồng cầu	1.000	ml
2	Diluent	Sử dụng như một dung dịch đẳng trương đã lọc, không chứa azit để đếm và định cỡ tế bào máu, dùng pha loãng mẫu máu	40.000	ml
3	Diluclair (EZ - cleaner)	Dung dịch rửa máy đậm đặc	100	ml
4	Probe cleaner (hemaclair)	Dung dịch rửa kim hút mẫu	100	ml
5	Control N, L, H	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm huyết học. Thành phần: Hồng cầu người và động vật có vú, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu mô phỏng, chất lỏng giống huyết tương, chất bảo quản.	15,0	ml
2. Hoá chất sử dụng cho máy sinh hoá bán tự động				
6	Glucose	Xét nghiệm sinh hóa định lượng nồng độ Glucose trong huyết thanh	1.000	ml



7	Ure	Định lượng nồng độ Urea trong huyết thanh huyết tương giúp cho quá trình chẩn đoán và điều trị bệnh về thận, tắc nghẽn ống nước tiểu, hư thận cấp tính và mãn tính	500	ml
8	Creatinine	Định lượng nồng độ Creatinine trong huyết thanh huyết tương để chẩn đoán các bệnh về thận như viêm thận cấp mãn tính và các rối loạn thận và bệnh hư thận	800	ml
9	Acid Uric	Định lượng nồng độ Acid Uric trong huyết thanh huyết tương, sự xác định Acid Uric thường dùng trong chẩn đoán bệnh về gút, lưu trữ ni-tơ và nhằm giám sát bệnh thận	200	ml
10	Albumin	Định lượng nồng độ Albumin trong huyết thanh huyết tương để chẩn đoán về bệnh lý nền	250	ml
11	Cholesterol	Chẩn đoán cận lâm sàng, định lượng nồng độ CHOLESTEROL trong huyết thanh để chẩn đoán bệnh mỡ máu liên quan đến nhồi máu cơ tim, nghẽn mạch vành tim	250	ml

12	AST	Định lượng nồng độ AST/GOT trong huyết thanh huyết tương để chẩn đoán các bệnh về gan trong khám cận lâm sàng	1.320	ml
13	ALT	Định lượng nồng độ ALT/GPT trong huyết thanh huyết tương để chẩn đoán các bệnh về gan trong khám cận lâm sàng	1.320	ml
14	GGT	Định lượng nồng độ GGT trong huyết thanh để chẩn đoán sự tắc nghẽn gan mật và được chú trọng trong tất cả các dạng của bệnh về gan	1.320	ml
3. Hóa chất sử dụng cho Máy ion đồ 5 thông số				
15	Daily Cleaning Solution Kit	Rửa và làm sạch các đường dây dẫn mẫu trong máy phân tích điện giải. Thành phần hóa chất: 1x90ml HCl (0.1N) và muối Bột tẩy rửa hàng ngày 6 chai Enzim pepsin (0.05g)	180	ml
4. Hóa chất sử dụng cho Máy đông máu				

16	APTT Kaolin	Là phospholipid được chiết xuất từ não thỏ, chứa ellagic acid trong môi trường buffered với chất ổn định, sử dụng để xác định Activated Partial Thromboplastin Time (APTT).	72	ml
17	Promthrombin Time	Là thuốc thử thromboplastin óc thỏ kèm theo dung môi để định lượng Prothrombin Time (PT), còn nguyên ổn định đến hết hạn sử dụng in trên nhãn lọ khi được bảo quản từ 2-8°C. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.	75	ml
18	FIBRI	Định lượng level của plasma fibrinogen. Dia-FIB là chất đông khô, alpha thrombin tinh thiết của người trong môi trường buffer với calcium và chất ổn định. Thuốc thử Dia-FIB để nguyên vện trong lọ được bảo quản ổn định đến hạn sử dụng in trên bao bì khi bảo quản đúng ở nhiệt độ 2-8°C. Ổn định sau khi hoàn nguyên trong lọ gốc: 3 ngày tại 22°C, 5 ngày tại 15°C và 7 ngày tại 2-8°C	72	ml

19	Calcium Chloride	Là dung dịch buffer 0,025M kèm chất bảo quản, được sử dụng trong xét nghiệm tầm soát đông máu như APTT.	384	ml
20	Calib đông máu	- Dùng để làm huyết tương tham chiếu khi xét nghiệm các yếu tố II, V, VII, VIII, IX, X, XI, XII và protein S (toàn phần và tự do) cũng như các xét nghiệm tạo màu, bao gồm Protein C, và Plasminogen	5	ml
21	IMIDAZOL	Dùng để xét nghiệm tầm soát đông máu như fibrinogen (FIB). Thành phần là dung dịch buffer kèm chất ổn định. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.	360	ml
Cộng: 21 mặt hàng				

BÊN
TÊN

